

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
cho các cơ sở khám, chữa bệnh năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020;

Căn cứ Công văn số 388/BHXXH-CSYT ngày 11/02/2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện dự toán chi KCB BHYT năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các cơ sở khám chữa bệnh năm 2020;

Theo đề nghị của Bảo hiểm Xã hội tỉnh tại Tờ trình số 1425/TTr-BHXXH ngày 23/10/2020 về việc điều chỉnh dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các cơ sở khám, chữa bệnh năm 2020; kèm theo Công văn số 3558/SYT-KHTC ngày 21/10/2020 của Sở Y tế về việc điều chỉnh dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho các cơ sở khám, chữa bệnh năm 2020 (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Y tế, Bảo hiểm Xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ định mức điều chỉnh dự toán chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Tài chính; Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ sở y tế có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX_{sln}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục:
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ
CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên cơ sở KCB	Mã cơ sở KCB	Kinh phí phân bổ theo Quyết định số 1206/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 (Lần 1)	Điều chỉnh tăng/giảm chi KCB BHYT năm 2020	Tổng kinh phí điều chỉnh (lần 2)
A	B	C	1	2	3 = 1 + 2
	Tổng cộng		3.166.936	88.191	3.255.127
1	BV 71 TW	38281	55.363	1.363	56.726
2	BV điều dưỡng PHCN TW	38034	28.825	457	29.283
3	Bệnh viện ĐK tỉnh	38280	475.628	7.549	483.177
4	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	38287	203.594	3.231	206.825
5	Bệnh viện Phụ sản	38285	123.445	-	123.445
6	Bệnh viện Y dược Cổ truyền	38011		(3.041)	27.369
7	Ban bảo vệ CSSK cán bộ	38288	2.545	40	2.585
8	Bệnh viện Phổi Thanh Hóa	38286	84.794	1.346	86.140
9	Bệnh viện Tâm Thần	38012	42.232	670	42.902
10	Bệnh viện Nội Tiết	38001	76.046	1.469	77.515
11	Bệnh viện PHCN TH	38031	10.635	1.398	12.033
12	Bệnh viện Da liễu	38004	15.773	250	16.023
13	Bệnh viện Mắt TH	38002	33.896	538	34.434
14	Bệnh viện Mắt Bắc Trung Nam	38719	22.116	-	22.116
15	Bệnh viện Mắt Bình Tâm	38718	11.133	-	11.133
16	Bệnh viện đa khoa Hợp Lực	38289	108.893	3.334	112.227
17	Bệnh viện đa khoa Thanh Hà	38725	50.667	(5.067)	45.600
18	Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng	38721	30.952	491	31.443
19	Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh	38733	62.687	2.267	64.954
20	Bệnh viện đa khoa ACA	38734	39.078	(3.908)	35.170
21	Bệnh viện ĐK Tâm Đức cầu Quan	38720	40.977	(2.049)	38.928

22	Bệnh viện ĐK Trí Đức Thành	38732	46.949	(2.347)	44.602
23	Bệnh viện Tâm An	38713	22.696	360	23.056
24	Phòng khám đa khoa Tâm An	38739	3.285	646	3.931
25	Bệnh viện ĐK khu vực Ngọc Lặc	38090	126.466	1.238	127.704
26	Bệnh viện đa khoa Quan Hóa	38040	15.193	(116)	15.077
27	Bệnh viện đa khoa Bá Thước	38050	38.161	668	38.829
28	Bệnh viện đa khoa Thường Xuân	38060	34.538	(595)	33.943
29	Bệnh viện đa khoa Như Xuân	38070	24.265	2.549	26.814
30	Bệnh viện đa khoa Lang Chánh	38080	20.440	200	20.640
31	Bệnh viện đa khoa Cẩm thủy	38100		(61)	55.022
32	Bệnh viện đa khoa Thạch Thành	38110	41.127	1.431	42.558
33	Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân	38120	74.980	1.340	76.320
34	Bệnh viện đa khoa Nông Cống	38160	37.872	737	38.609
35	Bệnh viện đa khoa Tĩnh Gia	38230	55.072	2.657	57.729
36	Bệnh viện đa khoa Quan Sơn	38260	10.558	168	10.726
37	PKĐK Trường cao đẳng y tế TH	38003	1.306	67	1.373
38	Trạm xá CT TNHH 1TV thuốc lá	38181	70	2	72
39	TYT CT TNHH Lam sơn sao vàng	38121	12	-	12
40	TYT CT CP Mía đường Lam Sơn	38123	29	1	30
41	Trạm y tế CT giấy ANOZA	38737	749	(118)	631
42	Bệnh viện đa khoa TP Thanh Hóa	38010	64.629	2.029	66.658
43	Bệnh viện đa khoa TX Bim Sơn	38020	33.321	529	33.850
44	Bệnh viện đa khoa TP Sầm Sơn	38030	26.136	487	26.623
45	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc	38130	41.423	216	41.639
46	Bệnh viện đa khoa Yên Định	38140	54.882	963	55.845
47	Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn	38150	71.599	643	72.242
48	Bệnh viện đa khoa Đông Sơn	38170	31.255	496	31.751
49	Bệnh viện đa khoa Hà Trung	38180	56.933	(116)	56.817
50	Bệnh viện đa khoa Hoằng Hóa	38190	49.200	776	49.976
51	Bệnh viện đa khoa Nga Sơn	38200	56.020	731	56.751
52	Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	38210	52.627	1.037	53.664
53	Bệnh viện đa khoa Quảng Xương	38220	57.973	475	58.448

54	Bệnh viện đa khoa Thiệu Hóa	38240	45.903	746	46.649
55	Bệnh viện đa khoa Như Thanh	38250	27.565	1.572	29.137
56	Bệnh viện đa khoa Mường Lát	38270	15.733	297	16.030
57	Phòng khám ĐK Giao thông VT TH	38282	6.109	-	6.109
58	PKĐK 95 Lê Hoàn	38700	3.700	59	3.759
59	Phòng khám đa khoa thuộc TTKS bệnh tật	38730	764	12	776
60	Phòng khám đa khoa An Việt	38711	13.572	215	13.787
61	Phòng khám ĐK 123	38715	2.580	217	2.797
62	PKĐK Hà Nội	38716	4.053	203	4.256
63	PKĐK Giang Sơn	38722	4.575	(458)	4.118
64	Phòng khám đa khoa Thành Đạt	38724	9.054	(905)	8.149
65	PKĐK 90 - Quảng Xương	38726	6.716	205	6.921
66	PKĐK An Phước 68	38731	5.202	238	5.440
67	PK đa khoa An Khang	38735	4.499	597	5.096
68	BVĐK Hải Tiến	38736	16.980	3.055	20.035
69	PKĐK Lương Điền	38738	3.426	82	3.508
70	PKĐK Việt pháp 3	38740	6.448	(550)	5.898
71	BV Công An	38742	5.304	(524)	4.780
72	Bệnh viện Ung Bướu	38744	73.049	12.746	85.795
73	Phòng khám đa khoa Đại An	38743	9.412	-	9.412
74	Phòng khám đa khoa 246	38710	2.446	325	2.771
75	PKĐK An Bình	38746	4.092	65	4.157
76	Bệnh viện Mắt Thanh An	38747	24.462	388	24.850
77	Bệnh viện ĐK Quốc tế Hợp lực	38748	41.815	3.226	45.041
78	Bệnh viện đa khoa Đại An	38749	35.478	1.731	37.209
79	PKĐK 246 - Cơ sở 2	38750	2.090	1.015	3.105
80	Phòng khám đa khoa Đoàn Dung	38751	3.666	145	3.811
81	PKĐK Lam Sơn	38757	2.908	533	3.441
82	PKĐK Hải Tiến Star	38756	6.481	103	6.584
83	PKĐK Nhung Hiếu	38754	3.040	2.036	5.076
84	PKĐK Tâm Tài	38712	3.292	2.137	5.429

85	Bệnh viện Mắt Thanh Tâm	38769	10.058	9.278	19.336
86	Bệnh viện Mắt Lam Kinh	38774	7.926	4.850	12.776
87	Trung tâm y tế huyện Quảng Xương	38767	-	2.670	2.670
88	Trung tâm y tế huyện Hà Trung	38778	-	1.038	1.038
89	TTYT huyện Thường Xuân	38768	-	1.561	1.561
90	TTYT huyện Tĩnh Gia	38775	-	2.448	2.448
91	Trung tâm y tế huyện Thạch Thành	38771	-	1.603	1.603
92	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	38773	-	774	774
93	Trung tâm y tế huyện Hậu Lộc	38777	-	824	824
94	Trung tâm Y tế huyện Hoằng Hóa	38766	-	670	670
95	Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn	38770	-	486	486
96	Trung tâm Y tế huyện Lang Chánh	38772	-	126	126
97	Trung tâm y tế huyện Nông Cống	38765	-	346	346
98	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Thủy	38779	-	950	950
99	Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa	38781	-	544	544
100	Trung tâm Y tế huyện Quan Hóa	38782	-	389	389
101	Trung tâm Y tế huyện Như Thanh	38784	-	443	443
102	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc	38785	-	448	448
103	Trung tâm Y tế huyện Mường Lát	38780	-	364	364
104	Trung tâm Y tế huyện Nga Sơn	38783	-	177	177
105	Trung tâm Y tế TP Thanh Hóa	38764	-	575	575
106	Trung tâm Y tế TP Sầm Sơn	38776	-	99	99
107	Trung tâm Y tế huyện Yên Định	38763	-	584	584